

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương – Kiểm Sát Viên

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/TLST-HNGĐ ngày 17/03/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp L2, xã PL, huyện V, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: 397 H, thành phố C, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc Kim L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 524/47 NĐ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà D trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc Kim L tự nguyện chung sống vào năm 2005 và đăng ký kết hôn ngày 03/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, Thành phố Đ (Có giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyền số 02/2010).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 524/47 NĐ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên bà và trẻ Đ chuyển về CD sinh sống kể từ đầu năm 2014 cho đến nay. Bà đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn của hai vợ chồng nhưng không được. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không

đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Lê Hoàng Kim Đ, sinh ngày 10/4/2006. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Ngọc Kim L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Bà D, ông L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của Bà D, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Nguyên đơn Bà D khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông L, được nuôi dưỡng trẻ Lê Hoàng Kim Đ nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn ông L có địa chỉ tại 524/47 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 24/01/2022 của Bà D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn không có sự tham gia của bà. Bị đơn ông L vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ Giấy đăng ký kết hôn số 54 ngày 03/6/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, Thành phố Đ (quyển số 02/2010) nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà D và ông L là hôn nhân hợp pháp.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[5] Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải Bà D xác nhận, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên bà và trẻ Đ chuyển về CĐsinh sống kể từ đầu năm 2014 cho đến nay.

[6] Lời trình bày của Bà D phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 3 về việc Bà D và ông L đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến nay.

[7] Tòa án đã tiến hành triệu tập ông L đến Tòa án để tham gia buổi hòa giải đoàn tụ nhưng ông L vắng mặt, không tham dự. Việc vắng mặt của ông L trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn cho thấy ông L không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với Bà D, không muốn đến Tòa để được hòa giải đoàn tụ.

[8] Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*

[9] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định lời trình bày của Bà D về mâu thuẫn vợ chồng là có thật, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà D đối với ông L.

[10] Về con chung: Tại Giấy khai sinh số 147, quyển số 01/2007 ngày 09/7/2007 của xã P, huyện V, Tỉnh Đ thể hiện trẻ Lê Hoàng Kim Đ là con chung của bà D và ông Lê Ngọc Kim L.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà D có nguyện vọng được nuôi dưỡng trẻ Lê Hoàng Kim Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay Bà D là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Đ. Từ nhỏ, trẻ Đ đã ở cùng với Bà D và bản thân trẻ Đ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ cho Bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trẻ Đ đủ 18 tuổi.

Ông L được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[11] Về tài sản và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông Lê Ngọc Kim L.

1.2. Về con chung: Giao cho bà D trực tiếp giữ nuôi trẻ Lê Hoàng Kim Đ sinh ngày 10/4/2006.

Ông Lê Ngọc Kim L được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông Lê Ngọc Kim L cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032942 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B. Bà D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà D, ông Lê Ngọc Kim L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- UBND X.Phủ Lý, H. Vĩnh Cửu,
Tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh